

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2025/HS-PT
Ngày 05/8/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các Thẩm phán: Ông Ngô Mạnh Cường

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Châu Loan - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Nguyệt Hà - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30/7 và 05/8/2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 271/2025/TLPT-HS ngày 16 tháng 4 năm 2025, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 13/2025/HS-ST ngày 05 tháng 3 năm 2025 của Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nay là Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Trịnh Hiệp L, sinh năm 1972 tại Khánh Hòa; HKTT: Tổ 1, ấp Thèo Nèo, xã Bình Châu, huyện Xuyên Mộc, tỉnh B R - V T (Nay là tổ 1, ấp Thèo Nèo, xã Bình Châu, TP. Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; cha Trịnh H (đã chết) và mẹ Nguyễn Thị L (đã chết); vợ Lê Nữ Quốc Kh, sinh năm 1983; có 04 người con, lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 11/7/1997, bị Tòa án nhân dân huyện X M, tỉnh B R - V T tuyên phạt tại bản án số: 28/HSST 12 tháng tù giam về tội “Vi phạm các quy định về quản lý và bảo vệ rừng”.

Bị bắt từ ngày 12/07/2022 đến ngày 15/8/2022 được tại ngoại; có mặt.

2. Phạm Thái Ph (Năm cây), sinh năm 1972 tại tỉnh B R - V T; HKTT: Tổ 3, ấp Thị Vải, phường Mỹ Xuân, thị xã Phú Mỹ, tỉnh B R - V T (Nay là tổ 3, Thị Vải, phường Phú M, TP. Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo:

Không; cha Phạm Thái H (đã chết) và mẹ Nguyễn Thị H (đã chết); vợ Trần Thị Thu A, sinh năm 1971; có 04 người con, lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt từ ngày 12/07/2022 đến ngày 08/3/2023 được tại ngoại; có mặt.

3. Nguyễn Văn L, sinh năm 1983 tại Hải Dương; HKTT: Khu phố Phước Tiến, thị trấn Phước Bửu, huyện Xuyên Mộc, tỉnh B R - V T (Nay là Phước Tiến, xã Hồ Tr, TP. Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Quyền trạm trưởng trạm Bảo vệ rừng số 6 thuộc Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên Bình Châu - Phước Bửu; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; cha Nguyễn Văn L (đã chết) và mẹ Trần Thị L, sinh năm 1936; vợ Nguyễn Thị Hương S, sinh năm 1980 có 02 người con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại; có mặt.

4. Nguyễn Hữu T, sinh năm 1987 tại Thanh Hóa; HKTT: Khu phố Phước L, thị trấn Phước B, huyện Xuyên M, tỉnh B R - V T (Nay là Phước L, xã Hồ Tr, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Trạm trưởng Trạm kiểm lâm địa bàn Bình C thuộc hạt kiểm lâm Xuyên Mộc; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; cha Nguyễn Tất Đ, sinh năm 1957 và mẹ Lê Thị X, sinh năm 1959; vợ Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1990 có 01 người con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Lợi: Ông Dương Hiến D là Luật sư của Văn phòng luật sư Nh, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Khánh H; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Phương: Ông Phan Linh C là Luật sư của Văn phòng luật sư Nh, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Khánh H; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Tùng: Ông Trần Quang N là Luật sư của Văn phòng luật sư N, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Khánh H; có mặt.

Ngoài ra, còn có những người tham gia tố tụng khác không kháng cáo và liên quan đến kháng cáo nên không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án và theo diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung hợp đồng nhận khoán giữa Trần Văn H và Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Bình C - Phước B:

Ngày 20/5/1999, hộ cá nhân ông Trần Văn H và Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Bình C - Phước B (Gọi tắt là Ban quản lý Khu bảo tồn) thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Gọi tắt là Sở NN&PTNT) ký Hợp đồng số 143 với các nội dung cụ thể như sau:

Trần Văn H nhận khoán bảo vệ rừng, gây trồng rừng đối với Khu phục hồi hệ sinh thái thuộc Khu rừng đặc dụng Bình C - Phước B.

Bên nhận khoán (Hộ cá nhân ông Trần Văn H): được thanh toán tiền công bảo vệ rừng, gây trồng rừng theo thời giá và mức đầu tư hàng năm của nhà nước.

Bên giao khoán (Ban quản lý Khu bảo tồn): kiểm tra, hướng dẫn kỹ thuật bảo vệ rừng, gây trồng rừng.

Diện tích đất chưa có rừng để gây trồng rừng: 7,5 hecta nằm tại vị trí Lô VI, VII; khoảnh 6, tiểu khu 47 (sau đổi tên thành tiểu khu 24) thuộc khu phục hồi hệ sinh thái rừng đặc dụng Bình Châu - Phước Bửu tại xã Bình Châu, huyện Xuyên Mộc.

Thời hạn Hợp đồng: 50 năm kể từ ngày 20/5/1999 đến ngày 20/5/2049.

Sau khi nhận khoán, ông Hoàn đã trồng, bảo vệ các loài cây gỗ lớn như Gõ, Giáng hương, Bằng lăng, Chiêu liêu... nhưng tỷ lệ sống chỉ đạt từ 20% đến 40%. Đến năm 2006, do cây gỗ lớn chết nên diện tích đất trống nhiều, Trần Văn Hoàn tự bỏ tiền mua cây xà cừ trồng xen trên diện tích 2,3 hecta, mục đích trồng cây xà cừ là để tạo bóng mát cho cây trồng chính phát triển và sau này được phép khai thác thì Hoàn sẽ viết đơn xin khai thác. Mặc dù Hoàn trồng cây xà cừ mà không xin phép Khu bảo tồn nhưng hàng năm từ năm 2006 đến 2009 và năm 2012, Khu bảo tồn không có biện pháp ngăn chặn mà đều tiến hành kiểm tra, nghiệm thu bảo vệ rừng tại khu vực trên.

2. Quá trình Trần Văn H xin cấp phép tĩa thừa cây xà cừ:

Năm 2012, khi cây xà cừ phát triển lớn, Trần Văn H thỏa thuận miệng sẽ bán toàn bộ cây xà cừ với giá 90.000.000 đồng cho Nguyễn Văn N. N tiếp tục thỏa thuận bán lại cho Nguyễn Thị Ng với giá 90.000.000 đồng, Ng đã đặt cọc 26.000.000 đồng, có sự chứng kiến của H. Tuy nhiên, khi Trần Văn H và Nguyễn Văn N đến Ban quản lý Khu bảo tồn để làm thủ tục sang tên Hợp đồng số 143 ngày 20/5/1999 từ H sang bà Ng thì không được chấp thuận nên H không bán cho N nữa mà tiếp tục quản lý. Riêng Nguyễn Văn N tiếp tục nhận đủ 90.000.000 đồng từ Nguyễn Thị Ng. Bản thân bà Ng đã trả đủ tiền nên cho rằng mình là chủ sở cây xà cừ trên nên Ng tiến hành chăm sóc, bảo vệ.

Do không thực hiện được thủ tục sang tên đối với diện tích trồng xà cừ trên nên Trần Văn H gửi đơn xin khai thác. Ban quản lý khu bảo tồn và Hạt kiểm lâm Xuyên M tiến hành kiểm tra thực địa, xác định: trên diện tích 2,3ha có khoảng 1.000 cây xà cừ, mật độ 450 cây/ha, cao trung bình 5,5m, đường kính gốc trung bình 15cm, trồng theo quy cách cây cách cây 4m, hàng cách hàng 6m.

Căn cứ vào đơn xin khai thác của Trần Văn H, ngày 20/10/2012, Ban quản lý Khu bảo tồn gửi văn bản số 770/KBT-QLR gửi Sở NN&PTNT xin ý kiến. Ngày 05/11/2012, Sở NN&PTNT có văn bản số: 1898/SNN-LN phúc đáp với nội dung chính như sau: "... đề nghị Ban quản lý rừng Khu bảo tồn thiên nhiên Bình C - Phước B không được phép tác động bất cứ hình thức nào đối với rừng trồng tại lâm phần Khu bảo tồn thiên nhiên Bình C - Phước B...". Ngày 15/11/2012, Khu bảo tồn có văn bản số 837/KBT-QLR thông báo cho ông H với nội dung chính như sau: "... số cây xà cừ tự trồng trên diện tích nhận khoán hiện chưa được phép khai thác ...".

Năm 2014, Trần Văn H tiếp tục gửi đơn xin khai thác cây xà cừ. Ban quản lý Khu bảo tồn tiếp tục ban hành văn bản số 616/KBT-QLR ngày 22/9/2014 và văn bản số 688/KBT-QLR ngày 24/10/2014 gửi Sở NN&PTNT xin ý kiến cho phép khai thác tận thu cây xà cừ. Ngày 06/11/2014, Sở NN&PTNT có văn bản số: 2354/SNN-LN phúc đáp với nội dung chính như sau: "...Do rừng trồng nằm trong lâm phần rừng đặc dụng do cơ quan nhà nước quản lý nên việc khai thác, tĩa thưa cây trồng nhằm mục đích điều chỉnh mật độ, tạo điều kiện cho cây trồng chính phát triển tốt hơn phải do chủ rừng thực hiện. Do đó, đề nghị Ban quản lý rừng Khu bảo tồn thiên nhiên Bình C - Phước B lập thiết kế tĩa thưa gửi về Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn để phê duyệt và cấp phép. Lưu ý việc lập thiết kế tĩa thưa, tận thu, tận dụng gỗ phải đảm bảo được độ tàn che phủ của rừng sau khi tĩa thưa lớn hơn 0,6".

Ngày 24/12/2014, Ban quản lý Khu bảo tồn có tờ trình số 818/KBT-KHKT đề nghị Sở NN&PTNT phê duyệt thiết kế tĩa thưa cây Xà cừ do hộ nhận khoán tự trồng bằng vốn tự có tại Khu bảo tồn. Ngày 07/01/2015, Sở NN&PTNT có quyết định số: 04/QĐ-SNN-LN về việc phê duyệt hồ sơ cấp phép khai thác tận dụng gỗ trong quá trình thực hiện biện pháp lâm sinh điều chỉnh mật độ để cây trồng chính phát triển tại Ban quản lý khi bảo tồn.

Ngày 28/01/2015, Ban quản lý khu bảo tồn có văn bản số 55/KBT-QLR về việc cấp phép khai thác tận dụng gỗ cho ông H được phép khai thác 262 cây Xà cừ, còn lại sau khi khai thác là 742 cây Xà cừ, thời hạn khai thác từ ngày 28/01/2015 đến 07/02/2015. Giao cho Trạm Quản lý bảo vệ rừng số 6 giám sát, hướng dẫn việc khai thác tĩa thưa cây Xà cừ.

Mặc dù chỉ được cấp phép tĩa thưa 262 cây xà cừ nhưng Trần Văn H ký Hợp đồng bán toàn bộ cây xà cừ với giá 115.000.000 đồng cho Phạm Thái Ph, Ph đã trả trước 90.000.000 đồng. H và Ph thống nhất chỉ khai thác 262 cây Xà cừ theo giấy phép, sau khi H xin được giấy phép khai thác số cây còn lại thì Ph tiếp tục khai thác và trả số tiền còn thiếu cho H. Trong quá trình Phạm Thái Ph khai thác tĩa thưa thì Nguyễn Thị Ng và Phạm Văn Ng đến yêu cầu Ph trả tiền công chăm sóc cây cho Ng và tiền Ng đã đặt cọc mua từ Nguyễn Văn N. Sau đó, Phương và H đã đưa cho Ng 10.000.000 đồng, đưa cho Ng 10.000.000 đồng.

3. Về hành vi phạm tội "Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản" quy định tại khoản 3, Điều 232 Bộ luật Hình sự:

Khoảng cuối tháng 02/2021, Trịnh Hiệp L đi qua khu vực lô VI, khoảnh 6, tiểu khu 24 thuộc khu phục hồi hệ sinh thái rừng đặc dụng Bình C - Phước B thì thấy cây xà cừ lớn có thể khai thác lấy gỗ. L biết thông tin Phạm Thái Ph đã mua lại số cây xà cừ này, nhưng chỉ mới tĩa thưa và số cây còn lại chưa có giấy phép nhưng L vẫn đến gặp Ph và thỏa thuận việc khai thác trái phép toàn bộ cây xà cừ với giá tiền công 35.000.000 đồng và được Ph đồng ý. Trịnh Hiệp L thuê 03 công nhân gồm: Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Ngọc H và Nguyễn Thành Minh Tr với giá từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng/ngày để cùng với Trịnh Hiệp L dùng cưa máy cắt hạ các cây xà cừ đến đầu tháng 4/2021 thì xong. Sau đó, Phạm Thái Ph nhờ Trịnh Hiệp L tìm người bán số gỗ khai thác được tổng cộng 190.000.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu đồng), cụ thể:

- Gỗ thân cây xà cừ bán cho người đàn ông tên Đ (không rõ nhân thân, lai lịch) ở tỉnh Đồng N với giá 140.000.000 đồng.

- Cành cây xà cừ Lợi bán được 50.000.000 đồng, trong đó: bán cho Tạ Văn M thu được 11.000.000 đồng, bán cho Trần Thị Ngọc L thu được 30.000.000 đồng và một đối tượng không rõ lai lịch thu được 9.000.000 đồng.

Số tiền Trịnh Hiệp L đã ứng ra trước đó để phục vụ cho việc cưa hạ trái phép cây xà cừ là 78.000.000 đồng (bảy mươi tám triệu đồng), cụ thể gồm:

- Tiền ứng trước cho bà Nguyễn Thị Ng để được phép cưa hạ cây là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Lý do: Ph yêu cầu L trước khi khai thác thì phải trả 25.000.000 đồng cho Nguyễn Thị Ng vì vào năm 2015, Ph mua cây xà cừ của H nhưng còn thiếu 25.000.000 đồng. Hiện tại, Ph thấy Ng đang quản lý trực tiếp diện tích trồng cây xà cừ trên nên Ph nghĩ Ng đã mua lại của ông Hoàn. Trịnh Hiệp L đến nhà Nguyễn Thị Ng đưa tiền nhưng Ng yêu cầu phải đưa thêm 25.000.000 đồng tiền công chăm sóc từ năm 2015 đến năm 2021, tổng cộng là 50.000.000 đồng. Trịnh Hiệp L gọi điện xin ý kiến của Ph, thì Ph đồng ý nên Lợi đưa 50.000.000 đồng cho Ng.

- Đưa cho Phạm Văn Ngu 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Lý do: Tại thời điểm Trần Văn H thỏa thuận bán cây xà cừ cho Nguyễn Văn N thì N có nhận cọc 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) của Ng để bán lại cây xà cừ cho Ng nên khi Phạm Thái Ph khai thác tía thừa 262 cây xà cừ thì có hứa với Phạm Văn Ng sẽ đền cọc cho Ng 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

- Chi phí cưa cây gồm: nhiên liệu chạy máy cưa, xe vận chuyển gỗ, tiền ăn uống của 03 công nhân tổng cộng: 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng).

Số tiền còn lại từ việc bán cây xà cừ là 112.000.000 đồng (Một trăm mười hai triệu đồng). Trịnh Hiệp Lợi nhận 35.000.000 đồng tiền công như thỏa thuận, đưa cho Phạm Thái Ph 69.000.000 đồng (sáu mươi chín triệu đồng) và nợ lại Ph 8.000.000 đồng (tám triệu đồng). Trong số tiền công mà L nhận được thì L trả 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) tiền công cho 03 công nhân. Số tiền Phạm Thái Ph thu lợi bất chính là 69.000.000 đồng (Sáu mươi chín triệu đồng), số tiền Trịnh Hiệp L thu lợi bất chính là 28.000.000 đồng (Hai mươi tám triệu đồng, đã cộng với 8.000.000 đồng mà L thiếu Ph).

Tại Cơ quan ANĐT(PA09), Trịnh Hiệp L và Phạm Thái Ph khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

4. Về hành vi phạm tội “Vi phạm quy định về quản lý rừng” theo quy định tại khoản 3, Điều 233 Bộ luật Hình sự:

Khoảng đầu tháng 02/2021, bị cáo Trịnh Hiệp L, Phạm Thái Ph và Tạ Văn M gặp nhau, thỏa thuận hợp tác mua cây xà cừ tại khu vực lô VI, khoảnh 6, tiểu khu 24 thuộc Khu phục hồi Hệ sinh thái Rừng đặc dụng Bình C - Phước B Sau đó, Tạ Văn M đến gặp Nguyễn Văn L (Trạm phó Trạm bảo vệ rừng số 6 thuộc Ban quản lý Khu bảo tồn) để xin cắt cây. Lên gọi điện thoại báo cáo sự việc cho Lê Văn K (Giám đốc Ban quản lý Khu bảo tồn) và Bùi Quốc V (nguyên Phó giám đốc Ban quản lý Khu bảo tồn, hiện là Hạt trưởng hạt Kiểm lâm huyện Xuyên M) và được hai Lãnh đạo đồng ý cho Tạ Văn M cắt cây. Tuy nhiên, Nguyễn Văn L

không thông báo lại cho M biết và M đợi lâu không thấy L trả lời nên M không tham gia việc khai thác cây xà cừ với L và Ph như thỏa thuận trước đó.

Khi Trịnh Hiệp L cùng Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Thành Minh Tr đang khai thác cây Xà cừ được 03 ngày với khoảng 100 cây thì Nguyễn Văn L (Quyên Trám trưởng Trạm bảo vệ rừng số 6 thuộc Ban quản lý khu bảo tồn) đi tuần tra phát hiện vụ việc nhưng không tiến hành lập biên bản kiểm tra, bảo vệ hiện trường, bảo quản tang vật, đồng thời báo cáo ban quản lý Khu bảo tồn mà chỉ yêu cầu trong quá trình khai thác cây Xà cừ không được làm ảnh hưởng đến cây rừng như cây Sao, Dầu, Gõ đỏ... và thực hiện các biện pháp đảm bảo công tác phòng chống cháy rừng rồi ra về.

Sau khi về đến Trạm bảo vệ rừng số 6, Nguyễn Văn L điện thoại báo vụ việc cho Nguyễn Hữu T (Trạm trưởng Trạm Kiểm lâm địa bàn xã Bình C thuộc Hạt Kiểm lâm Xuyên M). Sau đó, Tùng đi xuống khu vực rừng bị khai thác để kiểm tra, khi đến nơi thì phát hiện các đối tượng đang khai thác cây Xà cừ nhưng T không yêu cầu dừng việc khai thác mà chỉ yêu cầu trong quá trình khai thác không được làm ảnh hưởng đến cây rừng như cây Sao, Dầu, Gõ đỏ... và thực hiện các biện pháp đảm bảo công tác phòng chống cháy rừng.

Tại Cơ quan ANĐT(PA09), Nguyễn Văn L và Nguyễn Hữu T không thừa nhận hành vi phạm tội mà đều khai nhận sau khi sự việc xảy ra đã có báo cáo cấp trên (riêng Nguyễn Văn L có cung cấp 02 đoạn ghi âm thể hiện có việc báo cáo Lê Văn K và Bùi Quốc V về việc Tạ Văn M xin cắt cây) và bản thân L và T đều nhận thức cây Xà cừ do người dân tự bỏ vốn ra trồng và là cây ngoại lai, không nằm trong mục đích bảo tồn của rừng đặc dụng cần phải loại bỏ, do đó chỉ yêu cầu số công nhân trên khai thác cẩn thận không làm ảnh hưởng đến cây rừng khác.

Tuy nhiên, Nguyễn Văn L và Nguyễn Hữu T là những người có chức vụ, quyền hạn trực tiếp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về bảo vệ, quản lý rừng tại khu vực bị khai thác trái phép là Lô 6, khoảnh 6, Tiểu khu 24 thuộc phân khu phục hồi sinh thái - Khu bảo tồn thiên nhiên Bình C - Phước B. Căn cứ vào Quy chế phối hợp giữa Chi cục Kiểm lâm huyện Xuyên M với Ban quản lý Khu bảo tồn và Ban quản lý rừng phòng hộ ban hành kèm theo Quyết định số 85/QĐ-SNN ngày 04/3/2020 của Sở NN&PTNT thì khi phát hiện sự việc:

- Nguyễn Văn L có trách nhiệm phải tiến hành lập biên bản kiểm tra, bảo vệ hiện trường, bảo quản tang vật, đồng thời báo cáo Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Bình C - Phước B.

- Nguyễn Hữu T có trách nhiệm phải yêu cầu dừng việc khai thác, lập hồ sơ vi phạm, xác minh vi phạm, củng cố hồ sơ xử lý theo quy định, báo cáo Hạt Kiểm lâm Xuyên M.

Nhưng cả L và T đều không thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, dẫn đến thiệt hại là toàn bộ diện tích cây xà cừ bị cưa hạ trái phép.

5. Về kết quả giám định, định giá:

Bản kết luận giám định số: 04/KL-SNN ngày 18/4/2022 của Sở NN&PTNT kết luận: “Diện tích rừng trồng đặc dụng tại Lô 6, khoảnh 6, Tiểu khu 24 thuộc phân khu phục hồi sinh thái, Khu bảo tồn thiên nhiên Bình C - Phước B đã bị khai

thác trái phép là $26.500\text{m}^2 = 2,65 \text{ ha}$. Tổng số lượng cây loài Xà cừ đã bị khai thác 663 cây. Tổng trữ lượng gỗ Xà cừ đã bị khai thác $169,688\text{m}^3$ ". (Bút lục số 86 - 88)

Bản Kết luận giám định tư pháp ngày 28/06/2022 của ông Bùi Hữu Thường - Giám định viên tư pháp theo vụ việc (Lâm nghiệp) theo Quyết định số 4212/QĐ-BNN-PC ngày 05/11/2019 của Bộ NN&PTNT về việc giám định phân loại rừng kết luận: "663 cây Xà cừ được trồng bằng vốn của ông Trần Văn H (hộ nhận khoán) trên diện tích 26.500m^2 (2,65ha) tại Lô 6, khoảnh 6, Tiểu khu 24 thuộc phân khu phục hồi sinh thái - Khu bảo tồn thiên nhiên Bình C - Phước B, huyện Xuyên M, tỉnh Bà R - Vũng T cho đến trước thời điểm bị khai thác trái phép (tháng 3/2021) là rừng; được phân loại là Rừng đặc dụng". (Bút lục số 121 - 124).

Căn cứ theo Bảng phân loại các loại gỗ ban hành kèm theo Quyết định 2198-CNR ngày 26/11/1977 của Bộ Lâm nghiệp nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Xà cừ tên khoa học *Khaya senegalensis* A.Juss thuộc nhóm V (nhóm gỗ thông thường).

Bản kết luận định giá tài sản số: 53/KL-HĐĐGTTTHS, ngày 11/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Bà R - Vũng T kết luận: "Giá trị tài sản tại thời điểm tháng 4/2021 đối với $169,688 \text{ m}^3$ gỗ Xà cừ bị khai thác trái phép tại lô 6 khoảnh 6 tiểu khu 24 thuộc Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên Bình C - Phước B, huyện Xuyên M, tỉnh BR-VT là: $169,688 \text{ m}^3 \times 1.500.000 \text{ đồng/m}^3 = 254.532.000 \text{ đồng}$ ". (Bút lục số 128 - 129).

Bản kết luận giám định số: 6265/KL-KTTHS ngày 29/11/2022 của Phân viện Khoa học hình sự - Bộ Công an tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận về 02 File ghi âm mà Bị cáo Nguyễn Văn L cung cấp như sau:

"1. Không phát hiện thấy dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hội thoại trong 02 file âm thanh mẫu cần giám định (có ký hiệu A1, A2).

2. Tiếng nói của người nam được gọi là "anh" (Ký hiệu "K" trong "Bản dịch nội dung") trong file âm thanh mẫu cần giám định (Ký hiệu "A1" và tiếng nói của Lê Văn K trong mẫu so sánh là của cùng một người nói ra.

3. Tiếng nói của người nam được gọi là "anh" (Ký hiệu "V" trong "Bản dịch nội dung") trong file âm thanh mẫu cần giám định (có ký hiệu "A2") và tiếng nói của Bùi Quốc V trong mẫu so sánh là của cùng một người nói ra.

4. Nội dung hội thoại trong 02 file âm thanh mẫu cần giám định đã được chuyển thành văn bản ("Bản dịch nội dung" gồm 04 trang giấy A4)."

* Vật chứng thu giữ và xử lý:

- 01 đoạn cây gỗ tròn khô bị cháy dài 200cm, đường kính 30cm thu giữ tại hiện trường. 01 thân gỗ Xà cừ dài 350cm, đường kính gốc 60cm thu giữ tại nhà Trịnh Hiệp L.

- 01 điện thoại di động hiệu Vivo V2026, màu đen của Trịnh Hiệp L, 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu xám đen của Nguyễn Văn L, 06 USB ghi âm các cuộc hội thoại.

- 98.000.000 đồng do các Bị cáo và các người liên quan tự nguyện giao nộp, cụ thể: Trịnh Hiệp L nộp 40.000.000 đồng, Phạm Thái P nộp 23.000.000 đồng; Nguyễn Thị Ng nộp 25.000.000 đồng, Phạm Văn Ng nộp 10.000.000 đồng.

Toàn bộ vật chứng trên được Cơ quan An ninh điều tra (PA09), Công an tỉnh B R - V T chuyển Cục thi hành án dân sự tỉnh B R - V T và Kho bạc Nhà nước tỉnh B R - V T bảo quản, chờ xử lý.

*** Về trách nhiệm dân sự:**

Các bị cáo Trịnh Hiệp L, Phạm Thái P, Nguyễn Hữu T đều xin khắc phục hậu quả bằng hình thức trồng lại cây rừng trên diện tích khai thác trái phép cây xà cừ. Trịnh Hiệp L, Phạm Thái P đã nộp ứng trước tiền trồng cây mỗi trường hợp 10.000.000 đồng, Nguyễn Hữu T nộp ứng trước 5.000.000 đồng cho Ban quản lý Khu bảo tồn. Hiện chờ phương án được trồng rừng của Ban quản lý khu bảo tồn thì các Bị cáo sẽ tiếp tục tự nguyện phối hợp để trồng lại rừng theo hướng dẫn của Cơ quan chức năng.

Ban quản lý khu bảo tồn, Hạt kiểm lâm Xuyên M có văn bản đề nghị xin giảm trách nhiệm hình sự đối với Trịnh Hiệp L, Phạm Thái P và xin miễn trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Văn L, Nguyễn Hữu T.

Về hành vi của các cá nhân liên quan gồm:

[1] Về đối tượng tên Đại người mua gỗ Xà cừ không rõ nhân thân, lai lịch, hiện nay Cơ quan An ninh điều tra đang tiếp tục xác minh, khi có kết quả sẽ xem xét xử lý theo quy định.

[2] Về 03 đối tượng khai thác cây Xà cừ thuê cho Trịnh Hiệp L gồm Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Ngọc T và Nguyễn Thành Minh Tr (đã chết) chỉ là người làm thuê, hưởng tiền công, không được hưởng lợi gì từ việc khai thác trái phép cây Xà cừ, bên cạnh đó, trước khi thuê khai thác cây Lợi có nói việc mua bán cây Xà cừ này có giấy tờ, pháp lý đầy đủ. Vì vậy, không đủ căn cứ xem xét xử lý về hình sự đối với những cá nhân này.

[3] Đối với 03 Kiểm lâm viên thuộc trạm Kiểm lâm địa bàn Bình C gồm: Vũ Quang N, Vũ Đình T, Nguyễn Bá X, được phân công phụ trách các địa bàn khác, Khu vực xảy ra khai thác rừng trái phép là địa bàn do Nguyễn Hữu T trực tiếp phụ trách, quản lý; khi xảy ra vụ việc khai thác rừng trái phép không biết và không được Tùng cho biết vụ việc nên không xem xét xử lý về hình sự đối với các cá nhân này.

[4] Đối với 02 nhân viên tại Trạm bảo vệ rừng số 6 thuộc Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên Bình C - Phước B là Nguyễn Cửu Tr và Nguyễn Văn N: hai nhân viên này không trực tiếp đến hiện trường nên không biết việc khai thác trái phép cây xà cừ. Sau khi sự việc xảy ra có được Nguyễn Văn L thông báo lại nhưng trách nhiệm báo cáo vụ việc với Ban quản lý Khu bảo tồn thuộc trách nhiệm của Nguyễn Văn L (Quyền trạm trưởng) nên Cơ quan ANĐT(PA09) không xem xét xử lý hình sự đối với Tr và N.

[5] Đối với các đối tượng gồm Nguyễn Thị Ngoan, Phạm Văn Nguyên, là những người tham gia mua bán cây xà cừ với ông Trần Văn Hoàn, không tham gia hay giúp sức vào việc khai thác cây, đã nộp lại toàn bộ số tiền hưởng lợi từ

việc bán gỗ Xà cừ nên không xem xét xử lý về hình sự. Đối với Nguyễn Văn N không có mặt tại địa phương cư trú nên chưa làm việc được.

[6] Đối với Lê Văn K và Bùi Quốc V: Với chức vụ là Giám đốc và Phó Giám đốc Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Bình C - Phước B, Lê Văn Kh và Bùi Quốc V đã đồng ý cho Tạ Văn Minh được cắt cây Xà cừ tại lô 6 khoảnh 6 tiểu khu 24 thuộc Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên Bình C - Phước B là vi phạm quy định về quản lý bảo vệ rừng, có dấu hiệu của tội “Vi phạm quy định về quản lý rừng” quy định tại Điều 233 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, tại Bản kết luận điều tra bổ sung lần thứ nhất số 01/BKL-ANĐT ngày 30/12/2022 và Bản kết luận điều tra bổ sung lần thứ hai số 01/BKL-ANĐT ngày 07/4/2023 kết luận hành vi của Lê Văn K và Bùi Quốc V như sau: Tạ Văn M không biết việc được ông K, ông Vương đồng ý cho phép khai thác cây Xà cừ và bản thân M cũng không tham gia khai thác cây Xà cừ; Nguyễn Văn L không báo cáo ông Lê Văn K, ông Bùi Quốc V việc cho phép Trịnh Hiệp L và Phạm Thái P khai thác cây Xà cừ nên không xác định được mối quan hệ nhân quả trực tiếp giữa hành vi vi phạm nêu trên của ông Lê Văn K, ông Bùi Quốc V với việc Trịnh Hiệp L, Phạm Thái P khai thác cây Xà cừ. Do đó, Cơ quan ANĐT (PA09) xác định không đủ căn cứ xử lý hình sự ông Lê Văn K, ông Bùi Quốc V về tội “Vi phạm quy định về quản lý rừng” quy định tại Điều 233 Bộ luật hình sự.

[7] Đối với Đỗ Duy B: Nguyên Hạt trưởng Hạt kiểm lâm Xuyên M: kết quả đối chất Nguyễn Duy B không thừa nhận việc được Nguyễn Hữu T báo cáo về vụ việc; kết quả điều tra cũng không thu thập được tài liệu thể hiện việc T có báo cáo vụ việc đến lãnh đạo Hạt Kiểm lâm Xuyên M. Cơ quan ANĐT đã thu thập các biên bản họp đơn vị hàng tháng (tháng 2, 3, 4, 5/2021) của Hạt Kiểm lâm Xuyên M thì nội dung các biên bản này đều không thể hiện nội dung Tùng có báo cáo về vụ việc. Do vậy, Cơ quan ANĐT(PA09) không có căn cứ để xem xét trách nhiệm của Nguyễn Duy B.

[8] Đối với việc làm rõ hành vi thiếu trách nhiệm của các cá nhân có liên quan thuộc ban quản lý Khu bảo tồn và Hạt kiểm lâm Xuyên M trong việc để xảy ra việc khai thác trái phép cây Xà cừ, Cơ quan ANĐT(PA09) tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý theo quy định pháp luật.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 13/2025/HS-ST ngày 05 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh B R - V T (nay là Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh) đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trịnh Hiệp L, Phạm Thái P phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”, bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Hữu T phạm tội “Vi phạm quy định về quản lý rừng”.

- Áp dụng: điểm đ khoản 3 Điều 232, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

+ Xử phạt: Trịnh Hiệp L 02 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt chấp hành án nhưng được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/07/2022 đến ngày 15/8/2022.

+ Xử phạt: Phạm Thái P 02 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt chấp hành án nhưng được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/07/2022 đến ngày 08/3/2023.

- Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 233 ; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

+ Xử phạt: Nguyễn Hữu T 02 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt chấp hành án.

+ Xử phạt: Nguyễn Văn L 02 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt chấp hành án.

Ngoài ra, bản án còn quyết định xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/3/2025 và ngày 17/3/2025 bị cáo Nguyễn Hữu T và Nguyễn Văn L kháng cáo xin được hưởng án treo; ngày 12/3/2025 bị cáo Trịnh Hiệp L và Phạm Thái P kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên toà bị cáo T thay đổi kháng cáo cho rằng không phạm tội, kêu oan; bị cáo L và P kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phần tranh tụng đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại thành phố Hồ Chí Minh có quan điểm như sau: Toà án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Lợi, P phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” theo điểm đ khoản 3 Điều 232 Bộ luật hình sự và bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Hữu T phạm tội “Vi phạm quy định về quản lý rừng” theo điểm c khoản 3 Điều 233 Bộ luật hình sự là có cơ sở. Toà án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt mỗi bị cáo mức án 2 năm tù là phù hợp. Nay bị cáo L đang phải điều trị bệnh, đang nuôi con nhỏ; bị cáo P có xác nhận của phường là gia đình Cách Mạng là những tình tiết mới, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Luật sư Phan Linh C bào chữa cho bị cáo P trình bày: Bị cáo P có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nay có xác nhận là gia đình Cách Mạng nên xem xét cho bị cáo. Trong vụ án này ông H là người thoả thuận bán 1.000 cây xà cừ cho bị cáo P, ông H phải có trách nhiệm xin giấy phép khai thác cây nhưng đã nhận tiền của bị cáo P nên phải xem xét trách nhiệm của ông H, cũng như số tiền của ông H phải nộp lại. Do đó, đề nghị huỷ bản án sơ thẩm để giải quyết lại. Bị cáo P nhất trí với ý kiến của luật sư yêu cầu huỷ bản án sơ thẩm mà chỉ yêu cầu cho bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện điều trị bệnh tật và lo cho gia đình.

Luật sư Dương Hiến D bào chữa cho bị cáo L trình bày: Nội dung vụ án xuất phát từ việc ông H bán việc khai thác cây xà cừ nên các bị cáo thực hiện, Cơ quan điều tra chưa làm việc, chưa đưa ông H vào tham gia vụ án để làm rõ nên đề nghị huỷ bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại vụ án. Bị cáo L nhất trí với lời bào chữa của luật sư nhưng cho rằng đang điều trị bệnh, đang phải nuôi con còn nhỏ vì vợ đã bỏ đi nên xin được hưởng án treo.

Luật sư Trần Quang N bào chữa cho bị cáo T trình bày: Hành vi và hậu quả của vụ án là có nhưng bản án sơ thẩm xét xử không khách quan, không toàn diện dẫn đến bỏ lọt tội phạm. Vì Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là đơn vị cấp

giấy phép khai thác cây xà cừ nhưng không đưa Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham gia vụ án; ông H là người bán và nhận tiền của bị cáo P nhưng không thu hồi lại tiền của ông H là làm thất thoát tiền của Nhà nước; M là người nói cho các bị cáo biết cây xà cừ được khai thác nên các bị cáo thực hiện nhưng không đưa M tham gia vụ án. Bị cáo T bị dụ cung, khai có nghe thông tin và xuống hiện trường phát hiện, khai thác cây nhưng không thực hiện chức năng xử lý, để cho các bị cáo khai thác cây. Nội dung này, Cơ quan điều tra chưa làm việc với người khai thác cây, để xác định bị cáo T có xuống hiện trường không nhưng Toà cấp sơ thẩm đã buộc tội bị cáo T là chưa đủ căn cứ. Số lượng cây khai thác trong vụ án là chưa phù hợp vì có cả khai thác cũ và mới. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm đề điều tra, xét xử lại vụ án như trình bày trên. Bị cáo T nhất trí với trình bày của luật sư và cho rằng không nghe báo cáo, không đến hiện trường nên không biết việc khai thác cây trái phép của các bị cáo, nên không phạm tội.

Bị cáo Lên trình bày: Quá trình tố tụng cho đến nay bị cáo nhận thức rất rõ về hành vi phạm tội, mong Hội đồng xét xử xem xét thêm các tình tiết giảm nhẹ, bị cáo có anh trai là Nguyễn Văn L được tặng thưởng huy huân chương; bị cáo tích cực giúp Cơ quan điều tra phát hiện tội phạm nên áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại thành phố Hồ Chí Minh tranh tụng: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; những nội dung người bào chữa cho các bị cáo đưa ra Cơ quan điều tra đã thu thập và đưa họ tham gia tố tụng nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

Không ai tham gia tranh tụng thêm, các bị cáo có lời nói sau cùng:

Bị cáo L cho rằng do thiếu hiểu biết pháp luật, khi thấy kiếm lâm không cấm, không xử lý nên nghĩ được khai thác, hiện bị cáo bị bệnh và đang nuôi con nhỏ do vợ bỏ đi nên xin Toà cho được hưởng án treo để có điều kiện điều trị bệnh và chăm sóc con.

Bị cáo P nhận thức được hành vi phạm tội, nay xin được hưởng án treo.

Bị cáo L nhận thức được hành vi phạm tội của bị cáo, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ mong cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo T cho rằng không biết, không chứng kiến các bị cáo khai thác cây nên không phạm tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Đơn kháng cáo của bị cáo Trịnh Hiệp L, Phạm Thái P, Nguyễn Hữu T và Nguyễn Văn L đối với bản án sơ thẩm đúng quy định, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét đơn kháng cáo của bị cáo P và L xin được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo thì thấy: Bị cáo P và L đã thực hiện hành vi khai thác trái phép

rừng đặc dụng là rừng trồng trên 40m³ cây xà cừ là gỗ loài thực vật thông thường nên Toà án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo P, Lợi phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” được quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 232 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ. Hành vi của bị cáo P và L là rất nguy hiểm đã xâm phạm trực tiếp đến việc quản lý, bảo vệ rừng của Nhà nước; chỉ vì vụ lợi các bị cáo biết đó là khu vực rừng đặc dụng, bị cáo P biết chỉ cho phép khai thác 262 cây xà cừ theo hướng dẫn của Trạm bảo vệ rừng số 6 nhưng bị cáo P đã giao cho bị cáo L thuê người và thực hiện đốn cây xà cừ, rồi bán cho người khác để thu lợi bất chính, thể hiện xem thường pháp luật. Dù bị cáo P và L đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và đã trồng lại rừng theo hướng dẫn của Ban quản lý khu bảo tồn, các bị cáo đã tự nguyện nộp một phần tiền ứng trước để trồng lại cây; Ban quản lý khu bảo tồn và Ban quản lý rừng phòng hộ có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; theo Văn bản số 55/KBT-QLR ngày 28/01/2015 của Ban quản lý khu Bảo tồn cấp phép cho khai thác tận dụng gỗ 262 cây xà cừ nhưng các bị cáo khai thác 663 cây xà cừ; như vậy, có căn cứ các bị cáo khai thác trái phép 401 cây xà cừ, có trữ lượng là 102,633m³ gỗ là hơn gấp đôi định lượng được quy định khoản 3 Điều 232 Bộ luật hình sự nhưng Toà án cấp sơ thẩm xét xử mỗi bị cáo mức án 2 năm tù (đầu khung của khoản 2 Điều 232 Bộ luật hình sự) là quá nhẹ. Tại cấp phúc thẩm bị cáo P cung cấp Giấy xác nhận của phường là gia đình Cách Mạng; bị cáo L đang điều trị bệnh và nuôi con nhỏ nhưng bị cáo L có nhân thân xấu, đã từng bị xét xử về tội danh này. Do đó, các bị cáo cũng chỉ được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên không có căn cứ để tiếp tục giảm nhẹ hình phạt hay cho các bị cáo được hưởng án treo.

[3]. Xét đơn kháng cáo của bị cáo L xin được hưởng án treo thì thấy: Ban quản lý khu bảo tồn đã giao cho Trạm quản lý rừng số 6 giám sát, hướng dẫn việc khai thác, tĩa thưa cây xà cừ; bị cáo L là Quyền Trạm trưởng Trạm quản lý rừng số 6, khi phát hiện bị cáo P và L khai thác trái phép không thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao, mà trực tiếp để cho các bị cáo P và L tự ý khai thác cây xà cừ nơi địa hạt bị cáo quản lý với trữ lượng trái phép 102,633m³ gỗ là rất lớn. Hành vi của bị cáo L là cực kỳ nguy hiểm cho xã hội đã lợi dụng chức vụ quyền hạn về việc quản lý, bảo vệ rừng để cho bị cáo P và L khai thác trái phép cây xà cừ, đã gây thiệt hại về quản lý, bảo vệ rừng của Nhà nước, ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc bảo vệ, tôn tạo rừng đặc dụng. Dù bị cáo L không có bản bạc thống nhất hành vi với bị cáo P và L, bị cáo cũng không hưởng lợi từ việc khai thác trái phép của bị cáo P và L; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Toà án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo L với mức án 2 năm tù là mức thấp nhất tại khoản 2 Điều 233 Bộ luật hình sự là quá nhẹ; nay bị cáo L nêu đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, do bị cáo tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra trong việc phát hiện phạm tội. Song, bị cáo L phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng với vai trò chính trong việc quản lý, bảo vệ rừng. Do đó, không có căn cứ để cho bị cáo L được hưởng án treo.

[4]. Xét đơn kháng cáo kêu oan, không phạm tội của bị cáo T thì thấy: Bị cáo T là Trạm trưởng Trạm kiểm lâm địa bàn xã Bình C thuộc hạt kiểm lâm Xuyên M; bị cáo L và P khai thác trái phép 102,633m³ gỗ, thuộc địa bàn nơi bị cáo T làm

Trạm trưởng Trạm kiểm lâm quản lý. Lời khai nhận của bị cáo T tại phiên toà sơ thẩm, phù hợp với lời khai của bị cáo L, lời khai của bị cáo L, lời khai của người khai thác cây xà cừ là ông T, ông H và lời khai của bị cáo T tại Cơ quan điều tra nên có căn cứ bị cáo T được thông báo, bị cáo T xuống hiện trường phát hiện khai thác cây xà cừ nhưng không thực hiện chức năng, quyền hạn được giao mà để các bị cáo khai thác trái phép cây xà cừ trong khu rừng đặc dụng Bình C - Xuyên M do bị cáo quản lý. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo T phạm tội “Vi phạm quy định về quản lý rừng” theo điểm c khoản 3 Điều 233 của Bộ luật hình sự là có căn cứ. Tại phiên Toà người bào chữa cho bị cáo P, L và T yêu cầu đưa Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh B R - V T là đơn vị cấp giấy phép cho khai thác 262 cây xà cừ cho ông H vào tham gia tố tụng là không phù hợp; Cơ quan điều tra đã làm việc với ông Trần Văn H, Tạ Văn M người khai thác cây xà cừ là Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Ngọc H và Toà án cấp sơ thẩm xác định ông Hoàn là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và ông M, ông T, ông H nhân chứng trong vụ án là phù hợp và Toà án cấp sơ thẩm cũng xác định chưa đủ căn cứ để xử lý đối với ông H, M T, H là có cơ sở nên yêu cầu của các Luật sư đề nghị huỷ bản án sơ thẩm là không có căn cứ.

[5]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo; quan điểm của đại diện Viện công tố và xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm nên các bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Trịnh Hiệp L, Phạm Thái P, Nguyễn Hữu T và Nguyễn Văn L; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 13/2025/HS-ST ngày 05 tháng 3 năm 2025 của Toà án nhân dân tỉnh B R - V T nay là Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

Tuyên bố bị cáo Trịnh Hiệp L, Phạm Thái P phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”; bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Hữu T phạm tội “Vi phạm quy định về quản lý rừng”.

- Áp dụng: điểm đ khoản 3 Điều 232; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

+ Xử phạt: Trịnh Hiệp L 02 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt chấp hành án nhưng được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/07/2022 đến ngày 15/8/2022.

+ Xử phạt: Phạm Thái P (Năm cây) 02 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt chấp hành án nhưng được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/07/2022 đến ngày 08/3/2023.

- Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 233; điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

+ Xử phạt: Nguyễn Hữu T 02 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt chấp hành án.

+ Xử phạt: Nguyễn Văn L 02 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt chấp hành án.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực.

3. Về án phí phúc thẩm: Mỗi bị cáo Trịnh Hiệp L, Phạm Thái P, Nguyễn Hữu T và Nguyễn Văn L phải chịu 200.000 đồng.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện công tố và xét xử phúc thẩm tại TP. Hồ Chí Minh ;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh;
- CA TP. Hồ Chí Minh;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Ý

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Ngọc Thu Hương - Ngô Mạnh Cường

Đặng Văn Ý

